

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 16-4-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hải

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Nguyễn Tất Thê

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thăng.

Ngày 16/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 09/2017/DS-ST, ngày 12/10/2017 về tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐ-TA ngày 12/3/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 06/4/2018, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Quốc tế T**, địa chỉ: Số 16-C, Khu đấu giá QSDĐ Mỹ Đình, phường M, quận N, Thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Huy P, sinh năm: 1982, địa chỉ: Phòng 2008-CT12B-KĐTM K, quận H, thành phố H, có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh ngày: 28/02/1989, địa chỉ: Thôn Xuân Phụng, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt – đã nhận được Giấy triệu tập hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn S, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn Xuân Phụng, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, vụ án có nội dung: Công ty cổ phần Quốc tế T có Giấy chứng nhận đăng

ký doanh nghiệp-Mã số doanh nghiệp: 0105740065, ngày cấp 27-01-2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp, địa chỉ trụ sở chính: Ô16-C, khu đấu giá QSDĐ M, phường M, quận N, thành phố H do ông Trần Tuấn A chức vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Công ty được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động từ ngày 18-3-2015 với chức năng được hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Ngày 09-5-2017, Công ty Cổ phần Quốc tế T và thuyền viên Trần Văn S ký kết hợp đồng đưa thuyền viên đi làm việc trên tàu đánh cá tại Hàn Quốc số 31. Theo đó, Traminco đưa ông Trần Văn S đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc để làm việc cho người sử dụng lao động Hàn Quốc là Công ty nhân lực và Vận tải biển Quốc tế (I).

Nội dung bản hợp đồng đã xác định quyền và nghĩa vụ của các bên, trong đó có quy định nghĩa vụ của người lao động (NLĐ) trong thời hạn hợp đồng nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng, vi phạm pháp luật ... thì sẽ phải bồi thường cho công ty T. Theo quy định, người xuất khẩu lao động phải có người bảo lãnh, vì vậy bà Nguyễn Thị X là vợ hợp pháp của ông Trần Văn S đã làm các thủ tục bảo lãnh cho chồng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Bà X đã được Công ty T phổ biến rõ về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của NLĐ, người bảo lãnh cũng như các quy định về bồi thường khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc bỏ trốn tại nơi đang làm việc tại Hàn Quốc.

Ngày 09-5-2017, Traminco, bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn S ký kết hợp đồng bảo lãnh số 31/2017/TVGBHQ-HĐBL. Trong đó, Traminco là bên nhận bảo lãnh, bà Nguyễn Thị X là bên bảo lãnh, ông Trần Văn S là bên được bảo lãnh. Theo đó, phạm vi bảo lãnh mà người bảo lãnh cam kết bảo lãnh cho thuyền viên như sau: *"... Thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài đã ký giữa thuyền viên và T; trong trường hợp thuyền viên vi phạm hợp đồng đưa thuyền viên đi làm việc tại Hàn Quốc nêu trên, bỏ trốn khỏi nơi làm việc, cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc, thì T sẽ trực tiếp hoặc ủy quyền cho Luật sư liên hệ với người bảo lãnh để yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và xử lý tất cả vấn đề khác có liên quan...; giá trị bảo lãnh là một số tiền tối thiểu 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)".*

Việc ký kết hợp đồng giữa bà Nguyễn Thị X với các bên có người làm chứng, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối, tuân thủ quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được thể hiện tại Đơn cam kết bảo lãnh của bà Nguyễn Thị X.

Ngày 15-5-2017, ông Trần Văn S đã nhập cảnh vào Hàn Quốc và làm việc cho I với công việc và chế độ như Hợp đồng đã ký kết.

Ngày 25-5-2017, I thông báo với T về vụ việc thuyền viên Trần Văn S đã bỏ trốn vào ngày 24-5-2017. Ngày 08-8-2017, Ban Quản lý lao động thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đã có văn bản số 23/ĐSQ/QLLĐ xác nhận ông Trần Văn S đã vi phạm pháp luật Hàn Quốc, bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng, cư

trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Đến thời điểm hiện tại ông Trần Văn S vẫn chưa trở lại IMSCO làm việc.

Ngày 24-7-2017 Công ty T đã có văn bản số 143/CV-TMC thông báo thuyền viên bỏ trốn cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, gia đình thuyền viên Trần Văn S và công văn 144/CV-TMC ngày 26-7-2017 gửi Ban quản lý lao động Việt Nam tại Hàn Quốc.

Ngày 08-8-2017, Ban Quản lý lao động Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đã có văn bản số 23/ĐSQ/QLLĐ gửi Công ty Quốc tế T xác nhận thuyền viên Trần Văn S đã vi phạm pháp luật Hàn Quốc, bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng, hiện cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc.

Với nội dung trên, Công ty T khởi kiện lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, yêu cầu bà Nguyễn Thị X bồi thường thiệt hại theo cam kết đã ký với số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, đơn khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 275, 280, 292, 335, 336, 339, 342, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT ngày 18/5/2010 giữa TANDTC-BLDDTB&XH- VKSNDTC: “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật khi giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người đi lao động đi làm việc ở nước ngoài” và quy định tại Điều 37, 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị X đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án nhưng liên tục vắng mặt không có lý do và từ chối nhận văn bản tố tụng, Tòa án đã lập biên bản để có cơ sở giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc giữa Công ty T và bà Nguyễn Thị X có điểm chỉ, chữ ký của bên bảo lãnh, người được bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và sự chứng kiến của Luật sư. Trong Hợp đồng bảo lãnh, bà Nguyễn Thị X đã cam kết: “... *Thanh toán chi phí bồi thường thiệt hại do thuyền viên vi phạm hợp đồng đưa thuyền viên đi làm việc ở*

nước ngoài đã ký với T gây ra; thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài đã ký giữa thuyền viên và T; giá trị bảo lãnh là một số tiền tối thiểu 500.000.000 đồng”. Như vậy, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm thay cho anh Trần Văn Strong phạm vi cam kết bảo lãnh.

Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc đã ký kết giữa các bên là giao dịch dân sự mang tính tự nguyện, thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật. Mục đích bà Nguyễn Thị X cam kết bồi thường đối với Công ty TNHH bảo lãnh cho ông Trần Văn S lao động tại Hàn Quốc theo Hợp đồng lao động đã ký giữa ông S và công ty. Ông S đã tự ý bỏ việc là vi phạm các điều khoản của hợp đồng đã ký, làm phát sinh nghĩa vụ dân sự đối với người bảo lãnh. Bà X là người tự nguyện ký kết hợp đồng bảo lãnh. Vì vậy phải chịu trách nhiệm bồi thường cho công ty T 500.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký số 31/2017/TVGBHQ-HĐBL ngày 09-5-2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị X vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện thái độ trốn tránh, chối bỏ trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp tổng đạt Giấy triệu tập cho bà X nhưng bà thiếu tinh thần hợp tác. Do đó, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng là việc tăng cường áp dụng chế tài để răn đe đối với những người lao động vi phạm hợp đồng đặc biệt là lao động làm việc ở nước ngoài nhằm hạn chế tình trạng lao động bỏ việc, cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ quốc gia khác, vi phạm pháp luật Việt Nam và nước sở tại.

Từ những vấn đề trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng 500.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 37, 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 275, 280, 292, , 335, 336, 339, 342, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Quốc tế T; buộc bà Nguyễn Thị X phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Quốc tế T số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc đã ký kết số 31/2017/TVGBHQ-HĐBL, ngày 09-5-2017 giữa T, bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải

chịu lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 24.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Tsó tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 001167 ngày 12-10-2017 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hải

